

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai và ông Nguyễn Văn Bạ

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N; sinh năm 1987; địa chỉ: Khu dân cư V, phường V, TP. C, tỉnh Hải Dương- Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1982; địa chỉ: Khu dân cư V, phường V, TP. C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang ở Công Gò (không rõ địa chỉ)- Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày như sau:* Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 27/02/2013 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã C (Nay là phường V, TP. C), tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, chị và anh T về chung sống tại nhà ở của bố mẹ anh T tại V, phường V, thành phố C, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không chịu lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của chị. Bên cạnh đó, anh T không chịu khó làm ăn, bỏ bê việc nhà. Anh T còn hay xúc phạm chị thậm chí anh còn đánh vợ, con dẫn đến con rất sợ bố. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình quan tâm hòa giải nhưng vẫn không có kết quả, anh Thao vẫn không thay đổi. Do vậy nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc

phục được nên yêu cầu xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Thảo N, sinh ngày 13/01/2014. Hiện nay cháu N đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục được nuôi cháu N. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ, chị đồng ý.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung.

Tại Bản tự khai ngày 20/4/2021, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị N kết hôn ngày 27/02/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã C. Anh chị kết hôn tự nguyện. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa bố mẹ anh và chị N có bất đồng, không hợp nhau nên từ đó xảy ra mâu thuẫn. Năm 2021 chị N quyết định sống ly thân với anh. Kể từ đó anh vẫn qua lại gặp vợ con nhưng chị N xa lánh nên tình cảm vợ chồng không còn được như trước. Mặc dù được gia đình, họ hàng khuyên bảo nhưng chị N không nghe. Nay chị N xin ly hôn anh, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị N do vậy anh không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị N. Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Vũ Thảo N, sinh ngày 13/01/2014. Hiện nay cháu N đang ở với chị N. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ.

Tại "Đơn xin thuận tình ly hôn" đề ngày 15/5/2021, anh T trình bày: Ngày 20/4/2021, do anh muốn níu kéo nên anh đã trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn, không cãi nhau và không đồng ý ly hôn với chị N. Nhưng nay anh xác định lời khai ngày 20/4/2021 là không đúng thực tế. Anh và chị N có mâu thuẫn từ rất lâu do bất đồng quan điểm sống, lối sống nên nay anh mong Tòa án cho anh và chị N được ly hôn nhau. Về con chung, anh vẫn nhất trí giao cháu Nguyễn Vũ Thảo N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ. Do anh phải đi làm ăn tại nước ngoài nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng, bà Nguyễn Thị S (mẹ đẻ của anh T) trình bày: Sau khi kết hôn, anh T và chị N về chung sống cùng với gia đình bà nhưng chỉ một thời gian ngắn thì thuê nhà ra ngoài ở tại KDC V 2, phường V. Anh chị chung sống được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống do tính cách không hợp nhau. Chị N có nói với mọi người là anh T đi làm nhưng không nuôi được vợ, con, ngoài ra anh T còn cờ bạc không quan tâm đến gia đình. Đến khoảng tháng 4/2021 anh chị sống ly thân, anh T về ở với vợ chồng bà. Đến giữa tháng 5/2021 anh T đã đi lao động tại Công Gò. Trước khi đi, anh T có nói với mọi người trong gia đình bà là anh đồng ý ly hôn với chị N và anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Hiện anh T và gia đình bà vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua Zalo. Sau này bà cũng đã thông báo cho anh T về Thông báo của Tòa án triệu tập anh tham gia phiên họp nhưng anh vẫn có quan điểm hiện anh đang lao động tại Công Gò không thể về nước để tham gia tố tụng được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh, anh nhất trí ly hôn với chị N và

đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị N 2.000.000đ/tháng.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an cung cấp: Anh Nguyễn Văn T đã xuất cảnh ngày 16/5/2021 qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Thảo N, sinh ngày 13/01/2014 cho chị N nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị N mỗi tháng là 2.000.000đ đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

- Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Vũ Thị N là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Công Gô nhưng không rõ địa chỉ. Anh T đi nước ngoài sau khi Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh đã thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị N. Hiện anh T vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, TP. C, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/02/2013. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi nhau, xúc phạm nhau. Ngoài ra chị N cho rằng anh T không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến vợ, con, không chịu lắng nghe ý kiến của chị. Anh chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục chung sống nhưng mâu thuẫn của anh chị kéo dài và ngày càng trầm trọng hơn. Anh chị đã ly thân nhau từ khoảng tháng 4/2021 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N xin ly hôn anh T, anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, không thể khắc phục được do vậy

nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị N. Do đó Tòa án xác định anh T và chị N có mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng, đã khắc phục nhưng không được, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Nguyễn Vũ Thảo N, sinh ngày 13/01/2014 hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị N và anh T cùng thỏa thuận giao cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét hiện anh T đang ở nước ngoài, chị N có đủ điều kiện nuôi con. Cháu N cũng có nguyện vọng xin được ở với chị N. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu N cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là 2.000.000đ, chị N nhất trí do vậy cần chấp nhận sự tự nguyện về việc cấp dưỡng nuôi con của anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị N tự nguyện nộp thay anh T nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Vũ Thảo N, sinh ngày 13/01/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là 2.000.000đ, vào ngày 15 háng tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng nêu trên thì anh T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (lý hôn) và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con). Đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002861 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh. Chị N còn phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh T đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường V, TP. C;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quyết